TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:07/2025/DS-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2025
V/v: *"Tranh chấp tài sản chung và thừa kế tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Nguyễn Thị Nghị.

-Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàn- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:147/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp tài sản chung và thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08A/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngân H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 14, đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Chu Minh A, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Chu Thị T1, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm B, thôn X, xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

3.2. Chị Chu Vĩnh T2, sinh ngày 22/10/2007 (vắng mặt);

3.3. Chị Chu Kim T3, sinh ngày 11/9/2012 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị T2 và chị T3: Bà Nguyễn Thị Ngân H sinh năm 1981 (có mặt).

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngân H và chồng là ông Chu Kim A là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã HH (nay là thị trấn H) - huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H và ông Chu Kim A có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ 31, diện tích 115,5m^2 đất ở có địa chỉ tại: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (thửa đất số 124). Diện tích đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GNNQSĐ) số phát hành CI 202562 ngày 15/9/2017 đứng tên ông Chu Kim A và bà Nguyễn Thị Ngân H và tài sản trên đất là một ngôi nhà cấp bốn có diện tích xây dựng là 115,5m^2. Ngày 18/4/2024 ông Chu Kim A chết do tai nạn giao thông, do sự việc xảy ra đột ngột nên ông Chu Kim A không để lại di chúc. Bố và mẹ của ông Kim A là cụ Chu Văn H (chết năm 2018) và cụ Chu Thị T1 (sinh năm 1952, hiện đang sinh sống tại: Xóm B, thôn X, xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam). Bà H và ông Chu Kim Acó 03 người con chung là các chị: Chu Minh A, sinh ngày 20/8/2001; Chu Vĩnh T2, sinh ngày 22/10/2007 và chị Chu Kim T3, sinh ngày 11/9/2012. Cả 03 chị đều đang sinh sống cùng bà H tại Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông A không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi. Thời điểm ông Chu Kim A còn sống vợ chồng bà H có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc – Phòng giao dịch Tam Dương theo Hợp đồng vay vốn số 50.28812/2023-HĐCVHM/NHCT246 ngày 23/5/2023, hạn mức vay là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng chẵn). Dư nợ đến ngày 18/4/2024 ngày ông A chết là 1.095.000.000đ, đây là nghĩa vụ chung phải thanh toán của ông Kim A và bà Ngân H. Sau khi ông Kim A chết, ngày 08/7/2024 bà H đã đi vay mượn để tự trả hết số dư nợ trên cho Ngân hàng. Tài liệu chứng minh là Bản xác nhận dư nợ vay vốn khách hàng Chu Kim A và Chu Thị Ngân H thời điểm ngày 18/4/2024 tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Vĩnh Phúc. Bà H có nhu cầu chia tài sản chung của bà và ông Chu Kim A và phân chia di sản thừa kế của ông Kim A để lại để tiện cho việc thực hiện các giao dịch liên quan. Tuy nhiên, gia đình bà H không thống nhất được với nhau, cháu Chu Minh A không đồng ý ký kết các giấy tờ cần thiết. Gia đình bà H đã nhiều lần bàn bạc, thỏa thuận nhưng không đạt được kết quả. Bà H và ông A cùng tạo lập tài sản, sau khi ông A chết bà tiếp tục quản lý di sản, phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi vay ngân hàng và nuôi hai con ăn học, hai cháu đều chưa đủ 18 tuổi nên hoàn

cảnh của bà H rất khó khăn.

Bà H khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận tài sản chung của bà và ông A là thửa đất số 124,chia tài sản chung thửa đất 124 cho bà và ông A, sau đó chia tài sản thừa kế của ông A, nhưng đề nghị trừ nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bà đã thanh toán là 1.095.000.000đ, trị giá tài sản còn bao nhiêu đề nghị chia tài sản chung và chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị trích cho bà một phần công sức duy trì và quản lý di sản bằng 01 suất thừa kế. Đối với di sản chị T2 và chị T3 được hưởng, các chị cho bà bà đồng ý nhận. Bà H đề nghị được nhận tài sản chung, tài sản thừa kế, công sức là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 124 vì bà không có nơi ở nào khác, chị A chưa xây dựng gia đình nên chưa cần chỗ ở riêng, bà T1 ở với các con ở Hà Nam, bà H có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế bằng trị giá theo định giá, nhưng bà có hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả ngay được đề nghị được trả dần. Bà H đề nghị chia tài sản chung và tài sản thừa kế diện tích đất 115,5m^2 được cấp GCNQSDĐ nêu trên và ngôi nhà trên đất thì bà H không đề nghị chia tài sản gì khác.

Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 3.400.000đ, bà H đề nghị chịu toàn bộ, bà đã nộp đủ.

Về án phí: Bà Hoa đề nghị chịu án đối với trị giá tài sản được chia, được hưởng gồm tài sản chung, tài sản thừa kế, công sức và án phí đối với kỉ phần thừa kế chị T2 cho bà. Tuy nhiên, hiện nay bà H có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của địa phương đề nghị giảm một phần án phí cho bà H.

Bị đơn chị Chu Kim A vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai chị A trình bày: Bố chị là Chu Kim A, mẹ chị là Nguyễn Thị Ngân H, bố mẹ chị có 03 người con chung là chị Chu Minh A, sinh năm 2001; em Chu Vĩnh T2, sinh năm 2007 và Chu Kim T3, sinh năm 2012. Cả 03 chị em chị hiện nay đều đang sinh sống cùng mẹ là Nguyễn Thị Ngân H tại Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông nội của chị là ông Chu Văn H (đã chết năm 2018); bà nội của chị là bà Chu Thị T1 (sinh năm 1952, hiện đang sinh sống tại: Xóm B, thôn X, xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam). Bố mẹ chị có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 124 và tài sản trên đất là một ngôi nhà cấp bốn có diện tích xây dựng là 115,5m^2.

Ngày 18/4/2024 ông Chu Kim A chết do bị tai nạn giao thông. Do sự việc xảy ra đột ngột nên ông Akhông để lại di chúc. Bà Hcó nhu cầu phân chia di sản thừa kế do bố chị để lại để tiện cho việc thực hiện các giao dịch liên quan. Tuy nhiên, do gia đình chị không xác định được phần di sản ông A để lại nên chị không đồng ý ký các giấy tờ cần thiết. Vì vậy, bà H đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung và chia di sản thừa kế do bố chị để lại là thửa đất số 124. Chị đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa theo pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 124 và tài sản trên đất là một ngôi nhà

cấp bốn có diện tích xây dựng là 115,5m^2 theo nội dung đề nghị của bà H nêu trên, chị đồng ý nhận bằng trị giá như đề nghị của bà H, nhưng đề nghị bà H trả luôn sau ngày xét xử.

Chị Chu Vĩnh T2h và chị Chu Kim T3 vắng mặt tại phiên tòa.Tại bản tự khai chị T2 và chị T3 trình bày:

Bố các chị là Chu Kim A, mẹ các chị là Nguyễn Thị Ngân H, bố mẹ các chị có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 124 và tài sản trên đất là một ngôi nhà cấp bốn có diện tích xây dựng là 115,5m^2.

Ngày 18/4/2024 ông Chu Kim A chết do bị tai nạn giao thông. Do sự việc xảy ra đột ngột nên ông Kim A không để lại di chúc. Ông nội của các chị là ông Chu Văn H (đã chết năm 2018); bà nội của các chị là bà Chu Thị T1 (sinh năm 1952, hiện đang sinh sống tại: Xóm B, thôn X, xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam). Bố mẹ các chị có 03 người con chung là: chị Chu Minh A (sinh năm 2001); chị Chu Vĩnh T2 (sinh năm 2007), Chu Kim T3 (sinh năm 2012). Cả 03 chị em hiện nay đều đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Ngân H tại Tổ dân phố M, thị trấn Ha, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Gần đây, bà H có nhu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế do bố các chị để lại để tiện cho việc thực hiện các giao dịch liên quan. Tuy nhiên, gia đình không thống nhất được với nhau, chị Chu Minh A không đồng ý ký kết các giấy tờ cần thiết. Gia đình đã nhiều lần bàn bạc, thỏa thuận nhưng không đạt được kết quả.

Vì vậy, bà H đã làm đơn khởi kiện chị Chu Minh A đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Thứ nhất, chia cho mẹ các chị ½ thửa đất số 124 và ½ tài sản trên đất. Thứ hai, chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với ½ quyền sử dụng đất thửa đất số 124 và ½ tài sản trên đất là di sản do ông Chu Kim A để lại. Các chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Về phần di sản thừa kế mà các chị được hưởng các chị cho mẹ các chị là bà Nguyễn Thị Ngân H.

Bà H trình bày: Chị Chu Vĩnh T2 và chị Chu Kim T3 đều là người dưới 18 tuổi, bà là người đại diện theo pháp luật của chị Chu Vĩnh T2 và chị Chu Kim T3. Do các chị bận đi học nên không đến Tòa án làm việc được. Các chị đã trình bày quan điểm trong bản tự khai là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà và cho bà phần tài sản được chia thừa kế. Chị Chu Kim T3 là trẻ em chưa đủ 16 tuổi đề nghị Tòa án miễn án phí cho chị Chu Kim T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Chu Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025 cụ T1 trình bày: Cụ là mẹ đẻ của ông Chu Kim A. Cụ được biết ông Chu Kim A và vợ là bà Nguyễn Thị Ngân H có tạo lập được thửa đất, sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án thì cụ được biết là thửa đất số 124 trên đất có nhà. Khi còn sống ông A và vợ con đều ở trên thửa đất này. Bà H và ông Anh có 03 người con là Chu Minh A, sinh năm 2001, Chu

Vĩnh T2, sinh năm 2007,Chu Kim T3, sinh năm 2012, hiện nay các cháu đang ở với bà H. Khi ông Kim A còn sống cụ có nghe ông Kim A nói là vợ chồng còn nợ ngân hàng, nhưng cụ không biết nợ ngân hàng nào và số nợ là bao nhiêu, ông A thì nói là nợ một ít, còn bà H nói nợ hơn 01 tỷ.

Nay bà H khởi kiện chia tài sản chung của bà H và ông A mỗi người ½, phần của ông A chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Cụ đồng ý phân chia theo yêu cầu khởi kiện. Bố của ông Chu Kim A là cụ Chu Văn H chết trước ông A. Đối với phần chia thừa của ông A, cụ và ông H được hưởng đề nghị giao cho cụ bằng trị giá. Cụ đề nghị được miễn án phí phần cụ được hưởng. Do ông A chết không để lại di chúc, đề nghị Tòa án chia tài sản chung và tài sản thừa kế của ông A theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng đề nghị bà H chịu toàn bộ

Về án phí cụ là người cao tuổi đề nghị được miễn án phí phần cụ được hưởng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đều chấp hành quy định của pháp luật;

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26,Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612, 613,649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Xác nhận tài sản chung của ông Chu Kim A và bà Nguyễn Thị Ngân H là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31, có diện tích 115,5m^2 đất ở và nhà trên đất, địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc có trị giá 2.430.500.000đ.

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31 có diện tích là 115,5m^2 đất ở và nhà trên đất,địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.Cụ thể:

-Chia tài sản chung, trích một phần công sức và chia tài sản thừa kế của ông Chu Kim A cho bà Nguyễn Thị Ngân H được quyền sử dụng 115,5m^2 đất ở thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31 và ngôi nhà trên đất. Địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng kí để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Ngân H có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản thừa kế cho chị Chu Minh A và cụ Chu Thị T1 mỗi người là 121.409.091đ (làm tròn là 121.409.000đ).

Về chi phí tố tụng: Bà H đề nghị chịu toàn bộ không đề nghị Tòa án giải quyết

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Chu Minh A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Chu Thị T1, chị Chu Vĩnh T2h, chị Chu Kim T3 vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền và thời hiệu giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị chia tài sản chung và tài sản thừa kế của ông Chu Kim A chết năm 2024 là thửa đất số 124 nên đây là "Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản", bị đơn và thửa đất tranh chấp có địa chỉ tại tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các điều 623, 688 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về diện tích đất tranh chấp và trị giá tài sản thừa kế:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Thửa đất số 124 đã được cấp GCNQSDĐ số phát hành CI 202562, số vào sổ cấp giấy CS 00121 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/9/2017 đứng tên ông Chu Kim A và bà Nguyễn Thị Ngân H, có diện tích theo GCNQSDĐ là 115,5m^2 đất ở có trị giá theo định giá đất là 21.000.000đ/m^2 x 115,5m^2 và trị giá ngôi nhà trên đất là 5.000.000đ, tổng trị giá tài sản là 2.430.500.000đ là tài sản chung hợp nhất của ông Chu Kim A và bà Nguyễn Thị Ngân H. Khi ông A còn sống ông A và bà H có khoản nợ chung tại Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc- Phòng giao dịch huyện Tam Dương dư nợ đến ngày ông A chết là ngày 18/4/2024 là 1.095.000.000đ. Sau khi ông Kim A chết bà H đã tự trả toàn bộ khoản nợ này nên khi phân chia tài sản chung và chia thừa kế cần trừ đi nghĩa vụ chung phải thanh toán (2.430.500.000đ-1.095.000.000đ = 1.335.500.000đ). Sau khi trừ đi nghĩa vụ phải thanh toán, tài sản chung của ông A, bà H còn lại có trị giá là 1.335.500.000đ. Theo Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng: *"1.*

Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.”.Theo nguyên tắc này thì trị giá tài sản của mỗi người là ½ : (1.335.500.000đ : 2= 667.750.000đ). Kỷ phần tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung còn lại sau khi trừ đi nghĩa vụ chung là 667.750.000đ. Như vậy di sản thừa kế của ông A để lại là 667.750.000đ. Ông A chết không để lại di chúc, bà H đề nghị chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật là có là có căn cứ cần được chấp nhận. Bà H đề nghị chia tài sản chung và tài sản thừa kế là thửa đất số 124 có diện tích được cấp GCNQSDĐ là 115,5m^2 và ngôi nhà trên đất, bà H không đề nghị chia tài sản gì khác nên Tòa án xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[2.2]. Diện và hàng thừa kế: Ông Chu Kim A có bố là Chu Văn H đã chết năm 2018, chết trước ông A nên theo quy định tại Điều 613 Bộ luật dân sự thì người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế nên cụ H không thuộc diện hưởng thừa kế của ông A. Ông Chu Kim A có mẹ là cụ Chu Thị T1, vợ là bà Nguyễn Thị Ngân H và có các con Chu Minh A, Chu Kim T2, Chu Vĩnh T3. Ông A không có bố mẹ nuôi và con nuôi nên cụ T1, bà H, chị A, chị T3 và chị T2 thuộc diện hưởng thừa kế của ông A.

[2.3]. Ông A chết tháng 4 năm 2024, từ thời gian ông A chết đến nay bà H một mình nuôi hai con chưa thành niên, có công sức trong việc duy trì tài sản nên cần trích cho bà H một phần công sức bằng ½ suất thừa kế. Hiện nay, bà H đang quản lý đất và tài sản trên thửa đất số 124 và là nơi ở của bà H và các con chưa thành niên là chị Vĩnh T2 và chị Kim T3. Chị Vĩnh T2 và chị T3 đều đề nghị cho bà H di sản được hưởng của ông A, còn chị A và cụ T1 đề nghị lấy bằng trị giá. Nên cần chia cho bà H phần tài sản chung và tài sản thừa kế, công sức là thửa đất số 124 và tài sản trên đất. Như đã phân tích ở mục [2.1] thì trị giá tài sản thừa kế của ông A là 667.750.000đ cần chia cho 5 thừa kế và ½ suất tính công sức cho bà H. Theo đó, công sức bà H được hưởng có giá trị là 60.704.545đ, mỗi thừa kế được hưởng 121.409.000đ. Cần buộc bà H có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản thừa kế cho chị Chu Minh A và cụ Chu Thị T1 mỗi người 121.409.000đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí phần tài sản chung, tài sản thừa kế được chia, tài sản thừa kế phần chị Chu Vĩnh T2 cho và công sức được hưởng; chị Chu Minh A phải chịu án phí đối với kỉ phần thừa kế được chia; cụ Chu Thị T1 là người cao tuổi có đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí cho cụ T1; chị Chu Kim T3, chưa đủ 16 tuổi là trẻ em và có đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí cho chị T3.

Bà H đề nghị miễn giảm tiền án phí vì bà có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của UBND nơi bà cư trú, nhưng theo quy định tại Đều 12 Nghị quyết 326 là các trường hợp đương nhiên được miễn án phí; Điều 13 Nghị quyết 326 là các

trường hợp được giảm tiền án phí thì bà H không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền án phí. Nên bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[4]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đề nghị chịu toàn bộ không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5].Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26,Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612, 613,649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xác nhận tài sản chung của ông Chu Kim A và bà Nguyễn Thị Ngân H là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31, có diện tích 115,5m^2 đất ở và nhà trên đất, địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc có trị giá 2.430.500.000đ.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31 có diện tích là 115,5m^2 đất ở và nhà trên đất,địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.Cụ thể:

2.1.Chia tài sản chung, trích một phần công sức và chia tài sản thừa kế của ông Chu Kim A cho bà Nguyễn Thị Ngân H được quyền sử dụng 115,5m^2 đất ở thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31 và ngôi nhà trên đất. Địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố M, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng kí để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngân H có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản thừa kế cho chị Chu Minh A và cụ Chu Thị T1 mỗi người là 121.409.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,chị Chu Minh A, bà Chu Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thanh toán số tiền trên thì bà H phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn án phí cho cụ Chu Thị T1 và chị Chu Kim T3.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngân H phải chịu 41.138.000đ (bốn mươi mốt triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn).

3.2.Chị Chu Minh A phải chịu 6.070.000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)

4. Quyền kháng cáo:Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương;
-Các đương sự;
-LưuHS,VP.

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc